



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**  
606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 38367 518 Fax: (028) 38367 176  
Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn) Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**  
**Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương**

Thời gian : 9h00, ngày 22 tháng 04 năm 2024  
Địa điểm : Khách sạn Grand Sài Gòn, số 8 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM.

Thời gian	Chương trình
9:00 - 9:30 (30 p)	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và phát Tài liệu
9:30 - 9:45 (15 p)	- Chào cờ và giới thiệu khách mời - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
9:45 - 10:00 (15 p)	Giới thiệu Nhân sự Đại hội: Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội - Thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu - Thông qua Chương trình Đại hội - Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội
10:00 - 10:30 (30p)	<b>Chương trình nghị sự</b> - Báo cáo Tài chính năm 2023 đã kiểm toán - Báo cáo HĐQT kết quả hoạt động năm 2023 và định hướng năm 2024 - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2023 và kế hoạch hoạt động 2024 - Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2024 - Phân phối lợi nhuận năm 2023 - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 - Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2023 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty - Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty - Bổ sung và sửa đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty
10:30 - 10:45 (15p)	Thảo luận
10:45 - 11:00 (15p)	Biểu quyết
11:00 - 11:15 (15p)	Giải lao
11:15 - 11:30 (15p)	Công bố kết quả Biểu quyết
11:30 - 11:45 (15p)	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11:45 (05p)	<b>Tuyên bố bế mạc Đại hội</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)

Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2024

### QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương,

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương năm 2024 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị ("HĐQT") xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH:

- Quy chế tổ chức được xây dựng nhằm đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương năm 2024 (sau đây gọi tắt là ĐHĐCĐ hoặc Đại hội) diễn ra đúng quy định.
- Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

#### II. NỘI DUNG QUY CHẾ:

##### 1. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ:

- Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông/người được ủy quyền tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Mục II; ĐHĐCĐ phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Mục II; ĐHĐCĐ được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

##### 2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương theo danh sách chốt ngày 22/03/2024 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

##### 3. Khách mời tại Đại hội:

- Là các chức danh quản lý của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, khách mời, thành viên trong Ban tổ chức Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với Ban tổ chức Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

##### 4. Khách mời, cổ đông tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Cổ đông đăng ký và tham gia Đại hội, và nhận hồ sơ tài liệu, tại bộ phận đón tiếp.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu





#### **Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024**

quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi cổ đông đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Người nhận ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa Đại hội.
- Trường hợp có cổ đông không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **5. Chủ tọa Đại hội:**

- Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số Thành viên HĐQT làm Chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa thì Trường ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:
  - ✓ Chủ trì Đại hội quyết định trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.
  - ✓ Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
  - ✓ Trả lời hoặc cử cán bộ quản lý có liên quan trả lời các vấn đề do Đại hội yêu cầu và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội diễn ra.
  - ✓ Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

#### **6. Ban Thư ký Đại hội:**

- Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội:
  - ✓ Thực hiện các công việc theo sự phân công của Chủ tọa.
  - ✓ Tiếp nhận phiếu câu hỏi và/ hoặc ý kiến của cổ đông.
  - ✓ Ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực, chính xác toàn bộ nội dung của Đại hội trong Biên bản họp Đại hội và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

#### **7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông:**

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội do Ban tổ chức Đại hội cử.
- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:
  - ✓ Ban kiểm tra tư cách cổ đông có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra các loại giấy tờ chứng minh tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
  - ✓ Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước Đại hội.
  - ✓ Trường hợp người đến dự Đại hội không chứng minh được đầy đủ tư cách cổ đông tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết và tài liệu họp.

#### **8. Ban kiểm phiếu:**

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể là cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, cổ đông và/hoặc đơn vị tư vấn tổ chức ĐHĐCĐ. Thành viên Ban kiểm phiếu không đồng thời là Chủ tọa hoặc Ban Thư ký Đại hội.
- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - ✓ Kiểm tra nội dung, hình thức và số phiếu phát ra
  - ✓ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết
  - ✓ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông và đại diện ủy quyền
  - ✓ Tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu
  - ✓ Công bố kết quả kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.



**9. Phát biểu tại Đại hội:**

- Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

**10. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội:**

**a. Các quy định chung về biểu quyết:**

- ✓ Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một đơn vị biểu quyết.
- ✓ Mỗi cổ đông đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức Đại hội phát trực tiếp: **một (01) Thẻ biểu quyết và một (01) Phiếu biểu quyết** có ghi mã số đại biểu số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện có đóng dấu treo Công ty dùng để biểu quyết các nội dung theo chương trình Đại hội

**b. Thẻ thức biểu quyết, trình tự xin ý kiến biểu quyết:**

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự:

- ✓ Tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không tán thành với nội dung vừa được trình;
- ✓ Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

Tại Đại hội, cổ đông tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- ❖ **Phương thức giơ “Thẻ biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Thẻ biểu quyết. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, các cổ đông/người được ủy quyền giơ Thẻ biểu quyết lên cao hướng về phía Chủ tọa.

- ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.
- ✓ Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần hoặc hai trong số ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành và không ý kiến của một vấn đề, thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.
- ✓ Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

- ❖ **Phương thức điền vào “Phiếu biểu quyết”:** Mỗi cổ đông/người được ủy quyền được phát một (01) Phiếu biểu quyết trong đó có ba (03) ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Cổ đông/người được ủy quyền đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung thuộc Báo cáo/Tờ trình tại Đại hội.

**c. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:**

- ❖ Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- ✓ Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra.
- ✓ Không tẩy xóa, cạo sửa, thay đổi các nội dung in ấn. Khi có bổ sung nội dung thì ghi đúng số thứ tự của nội dung cần biểu quyết, không viết thêm nội dung khác ngoại trừ các nội dung theo yêu cầu của Ban Tổ chức.
- ✓ Phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền tham dự.
- ✓ Đối với mỗi nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình): Thẻ có chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- ❖ Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- ✓ Là các phiếu không đáp ứng được một trong các điều kiện của Phiếu biểu quyết hợp lệ.
- ✓ Đối với phiếu biểu quyết có nhiều nội dung cần thông qua, ngoài các nội dung biểu quyết không hợp lệ, các nội dung biểu quyết còn lại được biểu quyết hợp lệ sẽ vẫn được tính vào kết quả biểu quyết.

**d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:**





Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024

- ✓ Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ ghi nhận, kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung thông qua tại Đại hội. Đồng thời chịu trách nhiệm thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:**

- ✓ Đối với quyết định các nội dung liên quan đến loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO); dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương; tổ chức lại, giải thể CDBECO; gia hạn hoạt động của CDBECO được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/ người được ủy quyền dự họp tán thành.
- ✓ Đối với các vấn đề khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông/ người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

**11. Biên bản và Nghị Quyết ĐHĐCĐ**

- Tất cả các nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phải được Ban Thư ký ghi vào Biên bản của Đại hội.
- Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 phải được thông qua trước khi bế mạc Đại hội và được lưu lại tại trụ sở chính của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương.

**III. THỰC HIỆN:**

- Tất cả các cổ đông, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương và các quy định pháp luật có liên quan, chấp hành các quyết định của Chủ tọa, Ban tổ chức Đại hội. Nếu vi phạm tùy theo mức độ Chủ tọa Đại hội sẽ áp dụng các biện pháp xử lý từ việc hạn chế không được phát biểu, trục xuất ra khỏi hội trường nơi diễn ra Đại hội, hoặc chuyển sang cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật liên quan.

**Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.**





**CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY**

606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, HCM City

Tel.: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024****Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông  
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (sau đây gọi tắt là "CDBECO") xin trân trọng báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 đến Quý Cổ đông như sau:

**A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023:****1. Tổng quan:**

- Trong năm 2023 hoạt động kinh doanh của CDBECO tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do chi phí đầu vào cộng với các điều kiện kinh tế bên ngoài khó khăn, nhu cầu người tiêu dùng thấp hơn dự kiến nên sản lượng giảm đáng kể
- Chi phí nguyên vật liệu đầu vào từ đường tinh luyện, lon nhôm đều tăng cao. Đồng thời, chi phí thuê đất tăng cũng như các chi phí hoạt động thuê dịch vụ bên ngoài cao đã làm ảnh hưởng đến lợi nhuận.
- Với tất cả mọi nỗ lực từ Ban lãnh đạo và CB-CNV CDBECO trong việc đưa ra các giải pháp nhằm tối ưu hoá chi phí, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nhưng kết quả thực hiện năm 2023 vẫn chưa đạt như mong muốn.

**Phân tích tình hình của CDBECO:****a. Thế mạnh & Cơ hội:**

- HĐQT, Ban điều hành Công ty có sự quan tâm, nỗ lực khắc phục tình hình kinh doanh khó khăn đã xảy ra trong 6 tháng đầu năm 2023
- Mạng lưới phân phối kênh truyền thống tiếp tục duy trì và tập trung vào sự gắn kết chặt chẽ với các NPP lớn
- Mạng lưới phân phối và độ phủ sản phẩm tại Kênh hiện đại (MT) được mở rộng

**b. Thách thức & Nguy cơ:**

- Nguồn lực hạn chế khiến Chương Dương gặp khó khăn trong việc bắt nhịp với thị trường về quy mô phân phối, danh mục sản phẩm, năng lực sản xuất, xu hướng SKU và các hoạt động marketing mới mẻ.
- Dây chuyền sản xuất quá cũ lạc hậu và nguồn lực tài chính hạn chế nên việc cải tiến, đầu tư sẽ không thực hiện đồng bộ nên hiệu quả sản xuất bị ảnh hưởng.
- Chi phí tài chính tăng, đặc biệt là các chi phí thuê dịch vụ bên ngoài.

**2. Kết quả kinh doanh năm 2023:**

Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị ("HĐQT") đã hoạt động theo Pháp Luật, Điều lệ của CDBECO cũng như các quy định liên quan và đạt được kết quả kinh doanh như sau:

Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2022 (A)	Kế hoạch 2023 (B)	Thực hiện 2023 (C)	% so với cùng kỳ (C-A)/(A)	% so với Kế hoạch (C-B)/(B)
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ	Tỷ đồng	169.07	364.78	126.27	-25.31%	-65.38%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(48,68)	3,67	(119,25)	-144.97%	----%

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**



Kết quả kinh doanh 2023 không đạt như mong muốn:

- Do giảm sản lượng tiêu thụ dẫn đến giảm doanh thu thuần.
- Chi phí nguyên vật liệu bao bì lon nhôm và đường tăng giá.
- Chi thuê ngoài gồm tiền thuê đất, vận chuyển và dịch vụ tư vấn khác phát sinh trong năm 2023.

### 3. Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2023:

- Trong năm 2023 Hội đồng Quản trị CDBECO đã tổ chức 05 cuộc họp BOD và thông qua 20 Phiếu lấy ý kiến (trong đó có 18 Phiếu lấy ý kiến BOD và 02 phiếu lấy ý kiến Cổ đông), Có tổng cộng có 27 Nghị quyết được ban hành.
- Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều được lên lịch và thông báo cho Trưởng Ban Kiểm soát để tham gia giám sát.
- Tất cả các Nghị quyết đều được Giám đốc thực hiện và kết quả được báo cáo lên HĐQT.
- Thù lao của các thành viên HĐQT đã được ĐHCĐ 2023 thông qua và các thành viên HĐQT đã nhận được khoản thù lao này theo quy định và theo chính sách của Công ty.

### Những vấn đề nổi bật trong năm 2023:

- Thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2023.
- Về dự án đầu tư khu đất tại Mỹ Phước 3 – Bình Dương, đã triển khai cho thuê trên 60% diện tích sử dụng.

### Hoạt động giám sát của HĐQT bao gồm các vấn đề sau

#### 3.1 Hoạt động Bán hàng & Marketing:

##### ➤ Hoạt động Marketing:

- Năm 2023 ngoài chương trình khuyến mãi cho nhà phân phối nhằm đẩy mạnh sản lượng bán hàng. Công ty đã triển khai hoạt động đẩy hàng tại điểm bán thông qua các hoạt động dùng thử và chương trình kích cầu tại chợ và các khu công nghiệp. Song song cũng tăng cường trưng bày tại kênh Siêu thị.
- Việc đầu tư quảng bá thương hiệu quảng bá Thương hiệu còn nhiều hạn chế do nhân sự và ngân sách, tuy nhiên công ty đã tăng cường tương tác với người tiêu dùng thông qua kênh truyền thông mạng xã hội và hoàn thành đổi mới website công ty hiện đại và thân thiện hơn.
- Trong năm đã có cải tiến thay đổi bao bì và tái tung dòng nước uống đóng chai. Bên cạnh đó, công ty cũng đã nghiên cứu một số dòng sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới của thị trường, chuẩn bị tung hàng cho năm 2024 sắp tới.

##### ➤ Bán hàng:

- Trong năm 2023, CDBECO với mục tiêu đã tăng cường hoạt động phát triển hệ thống phân phối và đẩy mạnh các hoạt động Marketing. Song song CDBECO cũng chú trọng đến việc phát triển các sản phẩm mới đảm bảo đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên đến tháng 9/2023 do thị trường chậm, trước đó CDBECO chỉ tập trung vào Sell-in nên lượng hàng tồn kho tại các nhà phân phối cao, việc dự đoán bán hàng còn xa với thực thi nên số hàng cận date cao. Nên trong tháng 10/2023 CDBECO tập trung giải quyết hàng cận date và giải phóng hàng tồn kho cao của NPP nhằm giữ uy tín và chú trọng đến phát triển Quý 4/2023
- Từ Q4-2023, nhờ tập trung vào bán ra, tình hình đã bắt đầu tốt trở lại và dần ổn định. Giải quyết tất cả tồn đọng và tăng cao kỷ lục 24 tỷ

#### 3.2 Hoạt động Sản xuất

- Hoạt động sản xuất không liên tục (dừng sản xuất 3 tháng) do nhu cầu thị trường giảm và tập trung xử lý lượng hàng tồn đã sản xuất trong 6 tháng đầu năm.
- Được sự hỗ trợ từ Sabeco về cải tiến kỹ thuật, thực hiện các giải pháp kiểm soát hao phí sản xuất giảm được, kiểm soát chất lượng, cải tiến máy móc.

#### 3.3 Hoạt động Đầu tư:



- **Dây chuyền chiết chai PET:** Căn cứ diễn biến và tình hình kinh tế khó khăn, sản lượng tiêu thụ chưa đáp ứng như kế hoạch đặt ra. Do đó Dự án Đầu tư Dây chuyền chiết chai PET tạm dừng để Công ty đánh giá lại quy mô Dự án phù hợp với tính hình thực tế.
- **Dự án nhà xưởng/nhà kho cho thuê tại KCN Mỹ Phước 3:** Đang thực hiện việc cho thuê với các đối tác trong và ngoài nước. Công ty vẫn tiếp tục tìm kiếm thêm các đối tác khác để lấp đầy diện tích cho thuê và đối với dự án này đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý.
- **Hiện CDBECO tiếp tục rà soát và làm việc với cơ quan hữu quan về các khu đất:**
  - + Tại số 606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. HCM
  - + Tại KCN Mỹ Phước III, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương:  
Lô đất 75,000m<sup>2</sup>: Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan Dự án theo quy định của Nhà nước.  
Lô đất 5,000m<sup>2</sup>: đang xin chủ trương thay đổi mục đích sử dụng đất và phát triển thương mại đối với khu nhà ký túc xá 5,000 m<sup>2</sup> này.
  - + Tại số 101 Đường 19, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức: hiện đang trong quá trình thương thảo với Nguyễn Kim giải quyết theo hướng có lợi nhất cho CDBECO.
  - + Tại số 193 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6: CDBECO đang quản lý bình thường
  - + Văn phòng và Phòng trưng bày tại số 280 Gò Dầu, Quận Tân Phú, TP. HCM: CDBECO đang quản lý sau khi thu hồi lại từ Công ty Hoàng Long.

### 3.4 Công tác nhân sự:

- Tổng số nhân viên tại thời điểm 31/12/2023: 197 người

STT	Theo hợp đồng lao động	197	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	52	26,40%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	145	73,60%
3	Hợp đồng mùa vụ	0	0,00%

- Công ty đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo các quy định về chi trả lương, phúc lợi cho nhân viên. Thu nhập bình quân là 10 triệu đồng/ người/ tháng, duy trì thực hiện chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho Người lao động.

## B. TRIỂN VỌNG NĂM 2024:

### 1. Tổng quan:

- Hoạt động kinh doanh của CDBECO dự báo sẽ có triển vọng hơn trong năm 2024 với mục tiêu tăng trưởng 50% so với cùng kỳ.
- Sự phát triển mạnh mẽ của các đối thủ lớn làm gia tăng sự cạnh tranh gay gắt trong việc tranh giành thị phần là thách thức lớn CDBECO trong việc mở rộng thị phần.
- Chi phí dành cho các dịch vụ thuê ngoài vẫn đang tăng cao, vì vậy lợi nhuận sau thuế tiếp tục âm.

### Kế hoạch năm 2024:

Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2023 (A)	Kế hoạch 2024 (B)	Tỷ lệ tăng trưởng theo % (B-A)/(A)
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	126.27	225.26	78.40%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(119.25)	(73.11)	38.69%

### 2. Các hoạt động chính trong năm 2024 (kế hoạch)

#### 2.1. Nâng cấp năng lực sản xuất:

- Xem xét dây chuyền chiết chai PET với công suất lên tới 14 triệu lít/ năm.



- Phân xưởng Chiết và Phòng Kỹ thuật - Cơ điện sẽ phối hợp để xác định và thực hiện các nâng cấp thiết bị / hệ thống nhằm đạt hiệu suất cao hơn, tạo ra sản phẩm hoàn thiện hơn và tiết kiệm chi phí hơn.
- Dây chuyền sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình tiếp tục được duy trì tại 606 Võ Văn Kiệt để thuận tiện hơn trong việc phân phối đến khách hàng.

## 2.2. Tối ưu giá vốn hàng bán:

- CDBECO sẽ tối ưu hơn nữa chi phí giá vốn đồng thời giảm thiểu khả năng bị tăng giá nguyên vật liệu & bao bì.

## 2.3. Tăng độ phủ địa lý trong năm 2024:

- CDBECO sẽ khôi phục và tăng độ phủ bán hàng cũng như mạng lưới phân phối tại khu vực TP. HCM và các tỉnh lân cận như Long An- Tây Ninh- Đồng Nai – Bình Dương & Bà Rịa Vũng Tàu là vùng chiến lược đem về doanh thu chính cho CDBECO
- Để mở rộng phân phối và tăng sản lượng, CDBECO sẽ tiếp tục thâm nhập các khu vực tiềm năng còn lại hướng đến ít nhất mỗi tỉnh có 01 Nhà phân phối theo tiềm năng thị trường tiêu dung từng tỉnh
- Thí điểm lại mô hình nhà phân phối cấp 1 tại Hà Nội khi có sản phẩm mới phù hợp theo chiến lược thâm nhập – bám và phát triển nhân rộng

## 2.4. Nâng cấp đội ngũ kinh doanh:

- CDBECO sẽ xây dựng lại đội ngũ quản lý kinh doanh. Tổ chức lại tổ chức phù hợp với chiến lược kinh doanh
- CDBECO sẽ tiếp tục tuyển dụng, đào tạo phát triển đội ngũ kinh doanh. Công tác này bao gồm việc tuyển dụng số lượng nhân viên kinh doanh tăng độ phủ và hình ảnh đẹp các khu vực đông dân cư
- Tiếp tục đào tạo nhân viên kinh doanh để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cả về kiến thức sản phẩm lẫn kỹ năng thực tế, cùng nhau phát triển bền vững
- Đưa Chương trình quản lý SFA vào phòng kinh doanh để quản lý, phân tích tìm cơ hội bán hàng cho từng ngành hàng trên từng khu vực

## 2.5. Hoàn thiện hệ thống phân phối:

- Tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống phân phối. CDBECO sẽ rà soát, đánh giá và phát triển các nhà phân phối chiến lược để đảm bảo các mục tiêu phát triển dài hạn.
- CDBECO sẽ tăng cường đầu tư để tiếp cận các cấp độ khác nhau trong chuỗi phân phối, tức là các đại lý và điểm bán lẻ tại Kênh truyền thống.
- Hoàn thiện chính sách bán hàng cho kênh nước bình tại HCM và các tỉnh lân cận, Xây dựng mối quan hệ và hình ảnh tại các điểm KA
- Đồng thời, CDBECO sẽ tiếp tục phát triển Kênh MT và tăng cường sự hiện diện tại các đối tác MT phù hợp.
- CDBECO sẽ dành thêm nỗ lực và nguồn lực để đem các nhãn hàng của mình đến gần hơn và dễ tiếp cận hơn đối với người tiêu dùng cuối.
- CDBECO sẽ tiếp tục khai thác các cơ hội kinh doanh trực tuyến khả thi.

## 2.6. Chính sách thương mại:

- CDBECO sẽ tiếp tục đảm bảo các chính sách thương mại được chuẩn hóa, được giải thích rõ và lập thành văn bản. Các chính sách này sẽ được thống nhất với Phòng Tài chính - Kế toán để đảm bảo tổng chi phí không vượt quá ngân sách thương mại hàng năm.
- Chính sách hỗ trợ bán hàng cho các nhà phân phối sẽ được rà soát thường xuyên để đảm bảo các nhà phân phối đạt biên lợi nhuận theo mức chung của thị trường, qua đó đảm bảo sự hỗ trợ liên tục đối với các nhãn hàng của CDBECO.

## 2.7. Tiếp tục hồi sinh và phát triển các nhãn hàng:

Các nỗ lực phát triển thương hiệu sau đây sẽ được triển khai trong năm 2024 và tiếp tục duy trì trong năm 2025:

- Tiếp tục nỗ lực tái kết nối với người tiêu dùng qua hệ thống phân phối bán lẻ tốt hơn, tăng cường độ phủ hình ảnh và tương tác (trực tuyến và ngoại tuyến) để thúc đẩy người tiêu dùng sử dụng sản phẩm trở lại.
- Triển khai bán kết hợp sản phẩm.
- Triển khai lịch trình marketing toàn diện.
- Phát triển và ra mắt dòng sản phẩm nước giải khát tốt cho sức khỏe.



## 2.8. Kế hoạch hành chính - nhân sự năm 2024

- Triển khai đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên theo 3 Core value giúp Công ty xác định giá trị và năng suất mà nhân viên đóng góp, đồng thời nó cũng giúp nhân viên phát triển trong vai trò của chính họ. Ban hành quy định phân phối tiền lương nhằm chuẩn hoá và đảm bảo tuân thủ đúng Luật pháp Việt Nam
- Quản lý nguồn nhân lực:
- Rà soát toàn diện để tái cấu trúc đội ngũ nhằm cắt giảm nhân sự thừa, bổ sung nhân sự thiếu, đạt được mục tiêu tối ưu hóa nguồn nhân lực và trả lương, thưởng xứng đáng.
- Lập kế hoạch giữ chân người tài và nhân sự chủ chốt, đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Tổ chức đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động
- Tuyển dụng: Đáp ứng đủ nhu cầu nhân sự trong sản xuất- kinh doanh, nhất là đảm ứng nhân sự Kinh doanh, giải quyết bài toán về headcount, volume, ASO và chính sách bán hàng nhằm ổn định đội ngũ tiền tuyến.
- Triển khai 5S tại văn phòng và nhà máy giúp xây dựng một môi trường làm việc ngăn nắp, tinh gọn, giúp nhân viên được làm việc trong một không gian thuận tiện, an toàn và tăng tính tự giác của mỗi cá nhân
- Khuyến khích các hoạt động đội nhóm, tổ chức các sự kiện để tạo ra một đội ngũ nhân viên hạnh phúc.
- Phân phối lợi nhuận năm 2024: Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024

Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024 nêu trên.

Trân trọng.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH

Tan Teck Chuan Lester







## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)

Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

TP. HCM, ngày 15 tháng 03 năm 2024

### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)  
Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (CDBECO)

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) được quy định trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương (Công ty).

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2023;

Căn cứ kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm Soát trong năm 2023.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại Hội đồng Cổ đông báo cáo đánh giá hoạt động của Công ty năm 2023 và kế hoạch hoạt động BKS trong năm 2024 như sau:

#### I. Nhân sự và thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát - thành viên Kiểm soát theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

Nhân sự Ban Kiểm Soát gồm 3 thành viên:

- (ông) Nguyễn Phước Thoại: Trưởng ban kiểm soát
- (ông) Nguyễn Hoàng Hiệp: thành viên
- (bà) Nguyễn Thị Ngọc Dung: thành viên

Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 phê duyệt. Trong đó: + Trưởng ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương ( theo chủ trương của Tổng Công ty Cổ Phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn) và các chế độ khác theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
<b>I</b>	<b>Tiền lương, tiền thưởng</b>			
1	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	Người	01	01
2	Quý tiền lương	Đồng	436,173,182	406,703,908 (*)
3	Quý tiền thưởng	Đồng	-	-
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	02	02
2	Quý thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
	<b>Tổng tiền</b>	Đồng	<b>540,173,182</b>	<b>510,703,908</b>

(\*) Thực hiện 2023: thấp hơn do chưa áp dụng mức lương mới theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ



## II. Các hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2023:

### II.1 Tổng kết số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2023:

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã: Tổ chức thực hiện: 03 cuộc họp.

### II.2 Cách thức giám sát tình hình hoạt động của Công ty năm 2023:

- Tham gia đầy đủ 04/04 buổi họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình kinh doanh, kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023, Nghị quyết HĐQT, báo cáo quản trị của HĐQT.
- Xem xét tính hợp pháp của các quyết định của HĐQT, Ban Điều hành trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Quy chế quản lý tài chính của Đơn vị.
- Tham gia vào việc soạn thảo, soát xét các quy chế của Công ty, góp phần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả và phù hợp pháp luật hiện hành.
- Soát xét các Báo cáo tài chính định kỳ tháng/quý/năm trên cơ sở các quy định, quy chế Công ty; kiểm tra tính pháp lý của chứng từ nhằm đánh giá tính thận trọng, tính trung thực và hợp lý, hợp lệ của các số liệu tài chính thể hiện trên các báo cáo của Công ty.

## III. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Thực hiện/ kế hoạch %
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>134,380</b>	<b>377,407</b>	<b>35.61%</b>
- Doanh thu bán hàng thuần	"	126,278	364,789	34.62%
<b>Tổng chi phí</b>	<b>"</b>	<b>248,052</b>	<b>374,111</b>	<b>66.30%</b>
- Chiết khấu	"	4,277	11,512	37.15%
- Giá vốn	"	99,770	246,712	40.44%
- Chi phí bán hàng	"	85,160	58,852	144.70%
- Chi phí quản lý	"	28,153	30,498	92.31%
- Chi phí tài chính	"	21,613	25,544	84.61%
- Chi phí khác	"	9,079	993	914.62%
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>"</b>	<b>-113,672</b>	<b>3,296</b>	<b>- -%</b>
- Lợi Nhuận kinh doanh	"	-86,805	28,727	- -%
- Lợi Nhuận tài chính	"	-20,206	-24,439	- -%
- Lợi Nhuận khác	"	-6,661	-993	- -%
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	"	5,580	(374)	- -%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>"</b>	<b>-119,252</b>	<b>3,670</b>	<b>- -%</b>



2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021-2022-2023:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023
Tổng doanh thu	Tr đồng	143,778	185,919	134,380
Tổng chi phí	"	180,078	235,364	253,632
Lợi nhuận sau thuế	"	(35,594)	(48,685)	(119,252)

3. Tài sản và nguồn vốn tại thời điểm ngày 31/12/2023:

Các chỉ tiêu	31/12/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>Tổng tài sản</b>	<b>687,658,753,981</b>	<b>597,338,736,126</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>148,234,747,065</b>	<b>101,656,661,019</b>
Trong đó:		
Tiền và tương đương tiền	105,381,973,891	27,854,020,675
Hàng tồn kho	19,683,199,606	23,970,404,766
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6,628,368,650	29,925,100,119
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>539,424,006,916</b>	<b>495,682,075,107</b>
Trong đó:		
Tài sản cố định, Bất động sản	307,442,155,491	166,308,658,339
Tài sản cố định thuê tài chính	157,031,248,423	162,261,801,964
Tài sản dài hạn, xây dựng cơ bản	61,445,603,002	153,611,614,804
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>687,658,753,981</b>	<b>597,338,736,126</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>699,391,878,591</b>	<b>489,819,915,892</b>
Trong đó:		
Phải trả người bán ngắn hạn	21,464,318,968	93,890,876,293
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9,553,484,210	109,126,603
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	438,705,078,375	93,623,516,575
Vay và Nợ Tài chính dài hạn	170,828,414,155	284,432,513,250
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>(11,733,124,610)</b>	<b>107,518,820,234</b>
Trong đó:		
Vốn góp của chủ sở hữu:	85,000,000,000	85,000,000,000
Cổ phiếu quỹ	(347,276,838)	(347,276,838)
Quỹ đầu tư phát triển	104,569,834,944	104,569,834,944
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ)	(200,955,682,716)	(81,703,737,872)

4. Nhận xét, đánh giá:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 là 134,38 tỷ đồng chỉ đạt 35,6% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế là lỗ -119,25 tỷ đồng, không đạt kế hoạch năm 2023 (lãi 3,67 tỷ đồng). Trong đó, lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ -86,80 tỷ, lợi nhuận hoạt động tài chính và khác lỗ -26,87 tỷ.



- Kết quả tiêu thụ trong năm 2023: 7,97 triệu lít nước giải khát, chỉ đạt 36,3% kế hoạch, đồng nghĩa làm giảm doanh thu bán hàng thuần tương ứng đạt 35,6% kế hoạch.
- Trong quý 1 và quý 2 /23: thực hiện chương trình bán hàng chưa hiệu quả, chưa phù hợp với hệ thống nhà phân phối và quý 3 phải điều chỉnh và khắc phục. Đến quý 4/23: ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong năm 2023: đã hoàn thành dự án Bất động sản cho thuê: "Nhà xưởng cho thuê tại KCN Mỹ Phước 3" theo kế hoạch đầu tư ĐHCĐ đã thông qua. Doanh thu hoạt động cho thuê trong năm 2023: 16,68 tỷ đồng (đạt 57% kế hoạch).
- Ban điều hành thường xuyên kiểm soát chi phí, rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định, quy chế. Điều hành dòng tiền hợp lý, hiệu quả; kiểm soát chặt giá thành, chi phí tài chính.
- Mặt khác, chi phí thuê đất là cao: chiếm 24% tổng chi phí; và các chi phí khác có tiết kiệm trong kỳ nhưng doanh thu bán hàng quá thấp so với kế hoạch nên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh vẫn lỗ.

Trên cơ sở đó, trong năm 2023: BKS đã thực hiện 2 kế hoạch soát xét:

Trong tháng 6: "Soát xét sơ bộ kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023".

Trong tháng 11: "Soát xét hoạt động và kết quả kinh doanh 11 tháng 2023".

Kết quả soát xét và báo cáo quản trị rủi ro đã gửi về HĐQT và Ban điều hành.

- BKS thực hiện kiểm soát định kỳ số liệu báo cáo tài chính tháng/quý của Chương Dương. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Chương Dương tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ hiện hành của Công ty.
- Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, ban hành các Nghị quyết và Quyết định mang tính định hướng cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

#### IV. Phương hướng hoạt động năm 2024:

1. Tiếp tục giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHCĐ và các quy định liên quan khác của Luật doanh nghiệp và pháp luật Nhà nước.
2. Kiểm soát hoạt động của Công ty, HĐQT theo chức năng nhiệm vụ của BKS.
3. Tiếp tục tham gia hiệu chỉnh các quy chế, qui định Công ty theo Luật định hiện hành.
4. Căn cứ kết quả kinh doanh, thực hiện kiểm soát định kỳ tháng/quý/năm hoặc đột xuất nhằm đề xuất giải pháp phòng ngừa rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.

Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội đồng Cổ đông báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 đến các năm tiếp theo.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Lưu BKS;
- Lưu HĐQT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Phước Thoại





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**  
606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 38367 518 Fax: (028) 38367 176  
Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn) Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

Số.: 01/2024/TTr- HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2024

## TỜ TRÌNH

### V/V: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2024

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ và các quy định Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 và các giai đoạn có liên quan khác như công ty kiểm toán độc lập của Công ty mẹ (SABECO).

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.



Tan Teck Chuan Lester

Lựa chọn đơn vị kiểm toán





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**  
606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 38367 518 Fax: (028) 38367 176  
Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn) Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

Số.: 02 /2024/TT- HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2023**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 cụ thể như sau:

No.	Diễn giải	Kế hoạch 2023 (Triệu đồng)	Thực hiện 2023 (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	-81,703.74	-81,703.74
2	Lợi nhuận sau thuế	3,670.24	-119,251.94
3	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	4,752.00	0.00
	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	4,752.00	0.00
	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	0	0
	Trích Quỹ Công tác xã hội	0	0
	Chia cổ tức	0	0
	Tỷ lệ chia cổ tức	0,00%	0,00%
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	-82,785.50	-200,955.68

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Fan Teck Chuan Lester



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

Số.: 03/2024/TTr-HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH****V/v: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 cụ thể như sau:

TT.	Diễn giải	Thực hiện 2023 (Triệu đồng)	Kế hoạch 2024 (Triệu đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	-81,703.74	-200,955.68
2	Lợi nhuận sau thuế	-119,251.94	-73,112.67
3	Phân phối lợi nhuận, trong đó:	0.00	1,012.00
	Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	0.00	1,012.00
	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	0	0
	Trích Quỹ Công tác xã hội	0	0
	Chia cổ tức	0	0
	Tỷ lệ chia cổ tức	0,00%	0,00%
4	Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	-200,955.68	-275,080.35

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Tan Teck Chuan Lester

**Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024**





Số.: 04/2024/TT- HĐQT

Tp HCM, ngày tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH**  
**V/v: Quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2023**  
**của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ Nghị quyết số 10 /2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2023 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc quyết toán tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2023 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
<b>I</b>	<b>Tiền lương, tiền thưởng</b>			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quý tiền lương	Đồng	0	0
3	Quý tiền thưởng	Đồng	0	0
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quý thù lao	Đồng	494,000,000	494,000,000
<b>III</b>	<b>Tổng tiền</b>	Đồng	<b>494,000,000</b>	<b>494,000,000</b>

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
<b>I</b>	<b>Tiền lương, tiền thưởng</b>			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	1	1
2	Quý tiền lương	Đồng	436,173,182	406,703,908
3	Quý tiền thưởng	Đồng	0	0
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	2	2

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023
2	Quý thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
III	Tổng tiền	Đồng	540,173,182	510,703,908

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT.



Tan Teck Chuan Lester





**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUÔNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)

Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

Số.: 05/2024/TT-HĐQT

Tp HCM, ngày 01 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024  
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ Nghị quyết số 10 /2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 đối với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương như sau:

1. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
<b>I</b>	<b>Tiền lương, tiền thưởng</b>			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	0	0
2	Quỹ tiền lương	Đồng	0	0
3	Quỹ tiền thưởng	Đồng	0	0
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	5	5
2	Quỹ thù lao	Đồng	494,000,000	494,000,000
<b>III</b>	<b>Tổng tiền</b>	Đồng	<b>494,000,000</b>	<b>494,000,000</b>

2. Đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
<b>I</b>	<b>Tiền lương, tiền thưởng</b>			
1	Số lượng các thành viên chuyên trách	Người	1	1
2	Quỹ tiền lương	Đồng	406,703,908	407.203.908

**Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG**

606 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024
3	Quý tiền thưởng	Đồng	0	0
<b>II</b>	<b>Thù lao</b>			
1	Số lượng các thành viên kiêm nhiệm	Người	2	2
2	Quý thù lao	Đồng	104,000,000	104,000,000
<b>III</b>	<b>Tổng tiền</b>	Đồng	<b>510,703,908</b>	<b>511,203,908</b>

Trân trọng,

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VP. HĐQT/ Văn thư.



Tan Teck Chuan Lester



**CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY**

606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, HCM City

Tel.: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

Số: 06/2024/TTr-HDQT

TP HCM, ngày 1 tháng 4 năm 2024

**TỜ TRÌNH****V/v: Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Kính gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương,

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

Nội dung ĐKKD hiện tại	Nội dung ĐKKD sau khi sửa đổi, bổ sung
<b>4633</b> <b>Bán buôn đồ uống</b> Chi tiết: Mua bán đồ uống.	<b>4633: Bán buôn đồ uống</b> Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).
<b>4669</b> <b>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</b> Chi tiết: Kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống.	<b>4669: Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</b> Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622).
<b>6810</b> <b>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</b> Chi tiết: Kinh doanh nhà.	<b>6810: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.</b> Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng).
<b>6820</b> <b>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất</b> Chi tiết: Môi giới bất động sản.	<b>6820: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.</b> Chi tiết: Môi giới bất động sản. (trừ đấu giá tài sản)

**Changes of business lines**

**CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY**

606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, HCM City

Tel.: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	(Hủy bỏ 4933)
Giữ nguyên 3290	3290: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu
	<b>Đăng ký mới</b>
	<b>1104: Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng</b> Chi tiết: Sản xuất, gia công các nhóm sản phẩm sau: Nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai Alkaline Hydrogen và các loại nước uống đóng chai, đóng bình khác; Nhóm đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn; Nhóm nước giải khát có ga, không ga; Nhóm nước giải khát không cồn: nước chanh, nước cam, Cola, nước hoa quả, nước dinh dưỡng,...
	<b>2220: Sản xuất sản phẩm từ plastic</b> Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic dùng để đóng gói hàng hóa như túi, bao tải, hộp, thùng, hòm, bình lớn chai lọ bằng nhựa.
	<b>8292: Dịch vụ đóng gói</b> Chi tiết: Dịch vụ liên quan đến sản xuất (CPC 884-885).
	<b>4791: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet</b> Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; Đấu giá bán lẻ qua internet.
	<b>4799: Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu</b> Chi tiết: Thực hiện phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*Changes of business lines*





## CHUONG DUONG BEVERAGES JOINT STOCK COMPANY

606 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, HCM City

Tel.: (028) 38367 518

Fax: (028) 38367 176

Website: [www.cdbeco.com.vn](http://www.cdbeco.com.vn)

Email: [info@cdbeco.com.vn](mailto:info@cdbeco.com.vn)

	Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; Đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ); Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).
	<b>1102 : Sản xuất rượu vang</b> Chi tiết: Sản xuất rượu sủi tăm; Sản xuất rượu từ chiết xuất của nho; Sản xuất đồ uống có cồn lên men nhưng không qua chưng cất như rượu sake, rượu táo, rượu lê, rượu mật ong, rượu hoa quả khác và đồ uống hỗn hợp chứa cồn; Sản xuất rượu vecmut và đồ uống tương tự; Pha chế các loại rượu vang; Sản xuất rượu không cồn và có độ cồn thấp.

Lý do: Phục vụ cho hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ Công ty để sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Mục 1 của Tờ trình này.

3. Giao Người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để hoàn tất các nội dung được nêu tại Mục 1 và Mục 2 nêu trên: Cập nhật thay đổi ngành nghề kinh doanh vào Điều lệ Công ty, thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Trong phạm vi ngành, nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành, nghề theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và / hoặc theo yêu cầu của pháp luật.



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP HĐQT/ VT.





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Tấn Lợi  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024





KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00257-24-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>148.234.747.065</b>	<b>101.656.661.019</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>105.381.973.891</b>	<b>27.854.020.675</b>
Tiền	111		25.381.973.891	27.854.020.675
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.502.460.456</b>	<b>28.760.617.865</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.628.368.650	29.925.100.119
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		179.110.665	260.506.800
Phải thu ngắn hạn khác	136		529.612.014	409.641.819
Dự phòng phải thu khó đòi	137	7	(1.834.630.873)	(1.834.630.873)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8(a)</b>	<b>19.683.199.606</b>	<b>23.970.404.766</b>
Hàng tồn kho	141		21.246.091.994	24.134.792.034
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.562.892.388)	(164.387.268)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17.667.113.112</b>	<b>21.071.617.713</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.087.853.592	989.070.429
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(b)	16.579.259.520	19.855.398.241
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	227.149.043

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>539.424.006.916</b>	<b>495.682.075.107</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.005.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	7.005.000.000	7.000.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>212.899.031.951</b>	<b>215.290.584.880</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	55.867.783.528	53.028.782.916
<i>Nguyên giá</i>	222		119.166.689.159	110.575.058.984
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(63.298.905.631)	(57.546.276.068)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	157.031.248.423	162.261.801.964
<i>Nguyên giá</i>	225		173.582.726.065	173.582.726.065
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(16.551.477.642)	(11.320.924.101)
Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.300.192.426	1.300.192.426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.300.192.426)	(1.300.192.426)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>251.574.371.963</b>	<b>113.279.875.423</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		257.975.775.291	114.023.980.291
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.401.403.328)	(744.104.868)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>972.859.822</b>	<b>91.175.470.436</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		972.859.822	91.175.470.436
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	6.500.000.000	6.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>60.472.743.180</b>	<b>62.436.144.368</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	54.851.683.857	57.204.730.371
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.866.761.507	3.379.044.568
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8(b)	1.754.297.816	1.852.369.429
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>687.658.753.981</b>	<b>597.338.736.126</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>699.391.878.591</b>	<b>489.819.915.892</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>521.371.748.436</b>	<b>199.542.452.492</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	21.464.318.968	93.890.876.293
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		508.340.338	2.068.487.727
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18(a)	9.553.484.210	109.126.603
Phải trả người lao động	314		3.979.201.474	208.233.424
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	45.511.202.182	7.301.145.569
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	165.116.880
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	1.644.472.755	2.170.299.287
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21(a)	438.705.078.375	93.623.516.575
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	5.650.134	5.650.134
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>178.020.130.155</b>	<b>290.277.463.400</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	3.418.779.000	448.244.400
Nợ thuê tài chính dài hạn	338	21(b)	170.828.414.155	284.432.513.250
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	3.772.937.000	5.396.705.750
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>(11.733.124.610)</b>	<b>107.518.820.234</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>(11.733.124.610)</b>	<b>107.518.820.234</b>
Vốn cổ phần	411	25	85.000.000.000	85.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(347.276.838)	(347.276.838)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	104.569.834.944	104.569.834.944
Lỗi lũy kế	421		(200.955.682.716)	(81.703.737.872)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(81.703.737.872)	(33.018.778.160)
- Lỗi năm nay	421b		(119.251.944.844)	(48.684.959.712)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>687.658.753.981</b>	<b>597.338.736.126</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bùi Thị Kim Chi  
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thúy Phương  
Kế toán trưởng



Phạm Tấn Lợi  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	141.263.637.764	179.788.156.587
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	14.985.687.629	10.721.077.141
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>126.277.950.135</b>	<b>169.067.079.446</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	99.769.798.026	137.618.744.004
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>26.508.152.109</b>	<b>31.448.335.442</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	1.407.554.384	1.933.119.902
Chi phí tài chính	22	31	21.613.217.427	15.879.290.982
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>21.518.753.020</i>	<i>15.779.457.596</i>
Chi phí bán hàng	25	32	85.160.384.886	43.029.397.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	28.152.795.519	25.749.690.986
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>(107.010.691.339)</b>	<b>(51.276.924.351)</b>
Thu nhập khác	31	34	2.418.007.551	4.197.261.752
Chi phí khác	32	35	9.079.424.775	2.366.263.519
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.661.417.224)</b>	<b>1.830.998.233</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(113.672.108.563)</b>	<b>(49.445.926.118)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	6.067.553.220	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(487.716.939)	(760.966.406)
<b>Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(119.251.944.844)</b>	<b>(48.684.959.712)</b>
<b>Lỗ trên cổ phiếu</b>				
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(14.067)	(5.743)

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Chi  
Kế toán

Nguyễn Thúy Phương  
Kế toán trưởng

Phạm Tấn Lợi  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(113.672.108.563)</b>	<b>(49.445.926.118)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		16.640.481.564	10.844.516.416
Các khoản dự phòng	03		1.426.783.337	(52.800)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(541.876)	22.213.390
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.316.691.743)	(3.532.084.562)
Chi phí lãi vay	06		21.518.753.020	15.779.457.596
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(75.403.324.261)</b>	<b>(26.331.876.078)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		26.719.715.080	(23.849.862.509)
Biến động hàng tồn kho	10		2.958.493.436	(43.269.539)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.519.310.048)	404.050.213
Biến động chi phí trả trước	12		879.328.231	(439.337.844)
			<b>(50.365.097.562)</b>	<b>(50.260.295.757)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.120.554.352)	(16.516.129.297)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.617.206.250)	(353.925.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(70.102.858.164)</b>	<b>(67.130.350.554)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và quyền sử dụng đất	21		(85.164.165.037)	(157.977.623.589)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	1.637.054.545
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.316.691.743	1.940.954.250
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(83.847.473.294)</b>	<b>(154.399.614.794)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

100  
C  
O  
VH

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	491.954.493.611	220.207.902.052
Tiền chi trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34	(260.477.030.906)	(16.449.625.847)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>231.477.462.705</b>	<b>203.758.276.205</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>77.527.131.247</b>	<b>(17.771.689.143)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>27.854.020.675</b>	<b>45.627.111.107</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền</b>	<b>61</b>	<b>821.969</b>	<b>(1.401.289)</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>105.381.973.891</b>	<b>27.854.020.675</b>

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bùi Thị Kim Chi  
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thúy Phương  
Kế toán trưởng



Phạm Tấn Lợi  
Giám đốc



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Ngày 25 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCP-CNTTLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006 với mã giao dịch là SCD.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống; sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống; và kinh doanh nhà và môi giới bất động sản.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 203 nhân viên (1/1/2023: 280 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Giá định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty là 119.252 triệu VND, lưu chuyển tiền thuần âm từ hoạt động kinh doanh của Công ty là 70.103 triệu VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: lần lượt là 48.685 triệu VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 373.137 triệu VND (1/1/2023: lần lượt là 97.886 triệu VND) và tổng nợ phải trả vượt quá tổng tài sản là 11.733 triệu đồng. Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 21(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.





## Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

### (d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### (f) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	2 – 23 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 7 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(ii) Nhãn hiệu hàng hóa**

Nhãn hiệu hàng hóa được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
--------------------------	--------



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

00  
ÁN  
TN  
AG  
5 CY

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(m) Vốn cổ phần**

***(i) Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

***(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)***

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được thuyết minh trong phần chính sách kế toán 3(f).

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán năm trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(u) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước giải khát. Hoạt động khác là nắm giữ bất động sản đầu tư chờ tăng giá và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi.

Các mảng kinh doanh của Công ty như sau:

<b>2023</b>	<b>Nước giải khát VND</b>	<b>Thuê VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tổng doanh thu bộ phận thuần	109.594.926.337	16.683.023.798	126.277.950.135
Giá vốn hàng bán bộ phận	95.803.258.228	3.966.539.798	99.769.798.026
Lợi nhuận gộp của bộ phận	13.791.668.109	12.716.484.000	26.508.152.109
Chi phí bán hàng không phân bổ			85.160.384.886
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			28.152.795.519
Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ			1.407.554.384
Chi phí tài chính không phân bổ			21.613.217.427
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thuần			(107.010.691.339)
Kết quả từ các hoạt động khác			(6.661.417.224)
Chi phí thuế thu nhập			5.579.836.281
Lợi nhuận thuần sau thuế			(119.251.944.844)

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Nước giải khát VND</b>	<b>Thuê VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tài sản của bộ phận			
Hàng tồn kho	19.683.199.606	-	19.683.199.606
Bất động sản đầu tư	-	251.574.371.963	251.574.371.963
Tài sản cố định	212.899.031.951	-	212.899.031.951
Phải thu của khách hàng	6.628.368.650	-	6.628.368.650
Tài sản không phân bổ	-	-	196.873.781.811
<b>Tổng tài sản</b>			<b>687.658.753.981</b>
Nợ phải trả của bộ phận			
Phải trả người bán	11.774.818.968	9.689.500.000	21.464.318.968
Chi phí phải trả	7.112.459.880	38.398.742.302	45.511.202.182
Phải trả ngắn hạn khác	818.786.355	825.686.400	1.644.472.755
Phải trả dài hạn khác	20.000.000	3.398.779.000	3.418.779.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	615.619.981.076
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>687.658.753.981</b>
<b>2022</b>	<b>Nước giải khát VND</b>	<b>Thuê VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tổng doanh thu bộ phận thuần	165.823.937.641	3.243.141.805	169.067.079.446
Giá vốn hàng bán bộ phận	136.843.513.318	775.230.686	137.618.744.004
Lợi nhuận gộp của bộ phận	28.980.424.323	2.467.911.119	31.448.335.442
Chi phí bán hàng không phân bổ			43.029.397.727
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			25.749.690.986
Doanh thu từ hoạt động tài chính không phân bổ			1.933.119.902
Chi phí tài chính không phân bổ			15.879.290.982
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thuần			(51.276.924.351)
Kết quả từ các hoạt động khác			1.830.998.233
Chi phí thuế thu nhập			(760.966.406)
Lợi nhuận thuần sau thuế			(48.684.959.712)





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	<b>Nước giải khát VND</b>	<b>Thuê VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tài sản của bộ phận			
Hàng tồn kho	23.970.404.766	-	23.970.404.766
Bất động sản đầu tư	-	113.279.875.423	113.279.875.423
Tài sản cố định	215.290.584.880	-	215.290.584.880
Phải thu của khách hàng	29.925.100.119	-	29.925.100.119
Tài sản không phân bổ	-	-	214.872.770.938
			<hr/>
Tổng tài sản			597.338.736.126
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận			
Phải trả người bán	25.788.768.907	68.102.107.386	93.890.876.293
Chi phí phải trả	7.301.145.569	-	7.301.145.569
Phải trả ngắn hạn khác	2.170.299.287	-	2.170.299.287
Phải trả dài hạn khác	448.244.400	-	448.244.400
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	493.528.170.577
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			597.338.736.126
			<hr/>

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

12/12/2023

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	44.065.163	46.358.226
Tiền gửi ngân hàng	25.337.908.728	27.807.662.449
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	105.381.973.891	27.854.020.675

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1.047.621.104	277.457.510
Hộ Kinh doanh Khánh Ngọc	121.497.265	8.680.448.000
Hộ Kinh doanh Đại lý bia Quang Huy	-	5.723.906.988
Công ty TNHH Ls Khoa Nguyễn	-	2.534.859.976
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ Khang Phúc	-	1.315.684.803
Các khách hàng khác	5.459.250.281	11.392.742.842
	<hr/>	<hr/>
	6.628.368.650	29.925.100.119



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn	1.047.621.104	277.457.510
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Lon nước giải khát TBC-Ball Việt Nam	592.810.727	12.573.792
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	203.462.981	286.582.520
F&N Global Marketing Pte. Ltd	126.919.035	776.246.103
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	5.684.727	81.307.508
Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh	1.719.360	3.334.003
Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	-	447.416.500
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	-	78.650.992
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	-	61.167.960
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông	-	55.248.480
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	-	55.153.800
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	-	52.617.600
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	-	52.497.350
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung	-	47.202.920
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam	-	42.129.878
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	-	42.094.080
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	-	41.436.360
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	-	38.963.092
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	-	38.147.760
Công ty Cổ phần Bia Rượu Sài Gòn – Đồng Xuân	-	31.614.532
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	-	31.570.560
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	-	10.852.380
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn bia Sài Gòn	-	7.892.640
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	6.601.241

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 10 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Số ngày quá hạn	31/12/2023 và 1/1/2023		Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH				
Một Thành Viên				
Thạch Thuận Thành	Hơn 12 năm	250.657.220	(250.657.220)	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Hơn 12 năm	322.620.177	(322.620.177)	-
Ông Lý Hoàng Phi	Hơn 12 năm	155.999.833	(155.999.833)	-
Các khách hàng khác	Từ 8 năm			
	đến 12 năm	1.105.353.643	(1.105.353.643)	-
		1.834.630.873	(1.834.630.873)	-

**8. Hàng tồn kho**

**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	7.898.130.730	(1.023.039.241)	13.052.754.497	(129.948.143)
Công cụ và dụng cụ	1.832.580.983	(87.599.429)	1.615.237.420	(34.439.125)
Thành phẩm	11.316.748.045	(310.783.061)	9.266.454.644	-
Hàng hóa	198.632.236	(141.470.657)	200.345.473	-
		21.246.091.994	(1.562.892.388)	(164.387.268)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.203 triệu VND (1/1/2023: 624 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển và khó bán.

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 9.240 triệu VND (1/1/2023: không) ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	164.387.268	164.387.268
Dự phòng trích lập trong năm	1.398.505.120	-
Số dư cuối năm	1.562.892.388	164.387.268

**(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>	<b>Giá gốc</b> <b>VND</b>	<b>Dự phòng</b> <b>VND</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2.152.497.414	(398.199.598)	2.222.290.810	(369.921.381)

Biến động của dự phòng thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	369.921.381	369.974.181
Dự phòng trích lập trong năm	28.278.217	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(52.800)
Số dư cuối năm	398.199.598	369.921.381

**9. Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Đặt cọc để thuê nhà xưởng dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000
Đặt cọc khác	5.000.000	-
	7.005.000.000	7.000.000.000

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	8.913.958.699	88.276.345.466	12.179.477.320	1.205.277.499	110.575.058.984
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	8.456.011.995	109.254.256	26.363.924	8.591.630.175
Số dư cuối năm	8.913.958.699	96.732.357.461	12.288.731.576	1.231.641.423	119.166.689.159
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	7.426.600.724	39.670.485.194	9.899.931.870	549.258.280	57.546.276.068
Khấu hao trong năm	480.558.222	4.633.339.294	579.600.737	59.131.310	5.752.629.563
Số dư cuối năm	7.907.158.946	44.303.824.488	10.479.532.607	608.389.590	63.298.905.631
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	1.487.357.975	48.605.860.272	2.279.545.450	656.019.219	53.028.782.916
Số dư cuối năm	1.006.799.753	52.428.532.973	1.809.198.969	623.251.833	55.867.783.528

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá là 50.278 triệu VND (1/1/2023: 50.021 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	173.582.726.065
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	11.320.924.101
Khấu hao trong năm	5.230.553.541
Số dư cuối năm	16.551.477.642
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	162.261.801.964
Số dư cuối năm	157.031.248.423

**12. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy vi tính và nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 nhưng vẫn đang được sử dụng.

**13. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	249.166.121.963	110.871.625.423
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.408.250.000	2.408.250.000
	251.574.371.963	113.279.875.423

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	111.615.730.291
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang và số dư cuối năm	143.951.795.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	255.567.525.291
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	744.104.868
Khấu hao trong năm	5.657.298.460
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.401.403.328
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	110.871.625.423
Số dư cuối năm	249.166.121.963
	<hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm nhà kho xây sẵn cho thuê tọa lạc tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 thể hiện quyền sử dụng đất ở Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	91.175.470.436	58.057.149.212
Tăng trong năm	60.965.879.441	194.166.116.665
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	1.374.935.120	1.879.219.221
Chuyển từ/(sang) tài sản cố định hữu hình	(8.591.630.175)	(49.358.018.971)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(143.951.795.000)	(111.615.730.291)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.854.629.400)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(98.636.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>972.859.822</b>	<b>91.175.470.436</b>

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào công trình xây dựng cơ bản dở dang là 20.521 triệu VND (2022: 6.207 triệu VND).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Dự án Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 3	-	8.437.640.677
Dự án Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	-	81.771.515.392
Dự án nhà máy Củ Chi	650.756.138	650.756.138
Phí đăng ký nhãn hiệu	107.331.429	107.331.429
Các công trình khác	214.772.255	208.226.800
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>972.859.822</b>	<b>91.175.470.436</b>

**15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2023 và 1/1/2023		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô	1.105.000	5,525%	6.500.000.000	(*)	-

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	55.272.391.875	1.932.338.496	57.204.730.371
Tăng trong năm	-	36.295.455	36.295.455
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(1.374.935.120)	-	(1.374.935.120)
Phân bổ trong năm	(274.987.024)	(739.419.825)	(1.014.406.849)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.622.469.731</b>	<b>1.229.214.126</b>	<b>54.851.683.857</b>

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	9.689.500.000	68.102.107.386
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	5.576.256.466	2.184.286.715
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	-	9.964.223.158
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Biên Hòa	-	4.830.000.000
Các nhà cung cấp khác	6.198.562.502	8.810.259.034
	<b>21.464.318.968</b>	<b>93.890.876.293</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/ Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	5.576.256.466	2.184.286.715
Chi nhánh Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn – Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi	46.913.580	-
Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam	-	9.964.223.158
Fraser & Neave (Malaya) Sdn Bhd	-	865.120.715

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thuế**

**(a) Thuế phải nộp nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	12.940.892.256	(313.540.585)	(12.627.351.671)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.067.553.220	-	(227.149.043)	5.840.404.177
Thuế thu nhập cá nhân	109.126.603	877.100.396	(824.735.418)	(120.678.342)	40.813.239
Thuế nhà đất	-	59.875.773.145	(59.699.760.217)	-	176.012.928
Thuế khác	-	3.519.301.454	(23.047.588)	-	3.496.253.866
	109.126.603	83.280.620.471	(60.861.083.808)	(12.975.179.056)	9.553.484.210

**(b) Thuế phải thu nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	19.855.398.241	9.351.212.950	(12.627.351.671)	16.579.259.520
Thuế thu nhập doanh nghiệp	227.149.043	-	(227.149.043)	-
	20.082.547.284	9.351.212.950	(12.854.500.714)	16.579.259.520

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	38.398.742.302	-
Chi phí lãi vay	3.680.497.324	2.773.643.231
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.406.903.261	3.640.197.206
Chi phí vận chuyển và bốc dỡ	431.181.828	442.743.722
Chi phí phải trả khác	1.593.877.467	444.561.410
	45.511.202.182	7.301.145.569
	45.511.202.182	7.301.145.569

**20. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.356.460.400	1.734.259.877
Cổ tức phải trả	241.910.549	241.910.549
Kinh phí công đoàn	-	167.362.954
Các khoản phải trả, phải nộp khác	46.101.806	26.765.907
	1.644.472.755	2.170.299.287
	1.644.472.755	2.170.299.287

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Nhận ký quỹ dài hạn	3.418.779.000	448.244.400
	3.418.779.000	448.244.400
	3.418.779.000	448.244.400





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2023		Biến động trong năm		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	69.980.375.906	491.954.493.611		(124.459.187.325)	437.475.682.192	
Nợ dài hạn đến hạn trả	22.474.940.583	44.949.881.167		(67.424.821.750)	-	
Nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (b)(i)	1.168.200.086	1.229.396.183		(1.168.200.086)	1.229.396.183	
	93.623.516.575	538.133.770.961		(193.052.209.161)	438.705.078.375	

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, công ty mẹ	VND	5,0% - 5,8%	437.475.682.192	50.000.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,82% - 8,00%	-	19.980.375.906
			437.475.682.192	69.980.375.906

Các khoản vay này không được bảo đảm.

**(b) Vay dài hạn và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn	-	134.849.643.497
Nợ thuê tài chính (i)	172.057.810.338	173.226.010.422
	172.057.810.338	308.075.653.919
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.229.396.183)	(23.643.140.669)
	170.828.414.155	284.432.513.250

**(i) Nợ thuê tài chính**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Nợ thuê tài chính	172.057.810.338	173.226.010.422
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.229.396.183)	(1.168.200.086)
	170.828.414.155	172.057.810.336



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng 1 năm	16.101.530.820	14.872.134.637	1.229.396.183
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	58.119.444.837	6.286.678.443
Sau năm năm	402.538.270.500	237.996.534.788	164.541.735.712
	483.045.924.600	310.988.114.262	172.057.810.338
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND</b>	<b>Tiền lãi thuê VND</b>	<b>Nợ gốc VND</b>
Trong vòng 1 năm	16.101.530.820	14.933.330.734	1.168.200.086
Trong vòng hai đến năm năm	64.406.123.280	58.639.889.965	5.766.233.315
Sau năm năm	418.639.801.319	252.348.224.298	166.291.577.021
	499.147.455.419	325.921.444.997	173.226.010.422

## 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Không có biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2023 và 2022.

## 23. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Số dư đầu năm	5.396.705.750	5.750.631.250
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(6.562.500)	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.617.206.250)	(353.925.500)
Số dư cuối năm	3.772.937.000	5.396.705.750

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(33.018.778.160)	156.203.779.946
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(48.684.959.712)	(48.684.959.712)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(81.703.737.872)	107.518.820.234
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(119.251.944.844)	(119.251.944.844)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	85.000.000.000	(347.276.838)	104.569.834.944	(200.955.682.716)	(11.733.124.610)



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

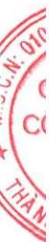
	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	85.000.000.000	8.500.000	85.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.360	347.276.838	22.360	347.276.838
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.477.640	84.776.400.000	8.477.640	84.776.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

## 26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Thuê tài sản**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	865.494.000	865.494.000
Từ hai đến năm năm	3.461.976.000	3.461.976.000
Sau năm năm	23.383.785.000	24.249.279.000
	27.711.255.000	28.576.749.000

**(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba**

		<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
		Số lượng	VND	Số lượng	VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	Lít	133.414	2.447.580.126	1.326.703	20.857.069.812
			2.447.580.126		20.857.069.812

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
▪ USD	414	9.988.968	14.810	346.692.268
▪ EUR	485	12.838.700	485	11.989.447
		22.827.668		358.681.715

**(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	38.461.242.303
	-	38.461.242.303



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	124.024.533.105	175.917.963.206
▪ Cung cấp dịch vụ cho thuê	16.683.023.798	3.243.141.805
▪ Doanh thu khác	556.080.861	627.051.576
	<hr/> 141.263.637.764	<hr/> 179.788.156.587
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	14.985.687.629	10.721.077.141
	<hr/> 126.277.950.135	<hr/> 169.067.079.446

**29. Giá vốn hàng bán**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	94.376.474.891	136.843.566.118
▪ Cung cấp dịch vụ cho thuê	3.966.539.798	775.230.686
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.426.783.337	-
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(52.800)
	<hr/> 99.769.798.026	<hr/> 137.618.744.004

**30. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	764.191.743	266.502.195
Thu nhập từ cổ tức	552.500.000	1.657.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.320.765	3.954.323
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	541.876	5.163.384
	<hr/> 1.407.554.384	<hr/> 1.933.119.902

12-00  
HÁN  
TỶ TH  
MG  
HỒ CH

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	21.518.753.020	15.779.457.596
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94.464.407	72.456.612
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	27.376.774
	<hr/>	<hr/>
	21.613.217.427	15.879.290.982

**32. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	16.936.650.279	14.206.948.016
Chi phí thuê đất	56.355.463.588	12.803.612.064
Chi phí quảng cáo	1.869.433.390	6.448.249.114
Chi phí vận chuyển	3.558.750.171	3.367.699.377
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.594.819.453	1.859.938.154
Chi phí bán hàng khác	4.845.268.005	4.342.951.002
	<hr/>	<hr/>
	85.160.384.886	43.029.397.727

**33. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	12.964.114.932	15.388.655.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.197.355.421	7.288.536.400
Chi phí thuê đất	527.799.098	221.313.688
Chi phí khấu hao	1.177.181.792	1.810.504.942
Chi phí quản lý khác	6.286.344.276	1.040.680.226
	<hr/>	<hr/>
	28.152.795.519	25.749.690.986



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Thu nhập khác**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	1.637.054.545
Hỗ trợ tiếp thị	867.208.502	1.091.737.849
Thu nhập khác	1.550.799.049	1.468.469.358
	<hr/>	<hr/>
	2.418.007.551	4.197.261.752

**35. Chi phí khác**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền phạt	3.512.301.454	322.902.720
Chi phí khấu hao kho trong thời gian không sử dụng	2.804.671.424	419.268.435
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	28.972.178
Chi phí khác	2.762.451.897	1.595.120.186
	<hr/>	<hr/>
	9.079.424.775	2.366.263.519

**36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	73.810.343.684	107.636.365.720
Chi phí nhân công và nhân viên	41.575.580.506	52.345.076.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.267.942.409	26.306.649.794
Chi phí khấu hao	16.640.481.564	10.425.247.981
Chi phí khác	11.593.301.692	9.684.492.307
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.067.553.220	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(487.716.939)	(760.966.406)
	5.579.836.281	(760.966.406)
	5.579.836.281	(760.966.406)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗi kế toán trước thuế	(113.672.108.563)	(49.445.926.118)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(22.734.421.713)	(9.889.185.224)
Chi phí không được khấu trừ thuế	6.856.452.688	1.128.643.122
Thu nhập không bị tính thuế	(110.500.000)	(331.500.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.067.553.220	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	15.500.752.086	8.331.075.696
	5.579.836.281	(760.966.406)
	5.579.836.281	(760.966.406)

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời</b>	<b>Giá trị thuế</b>	<b>Chênh lệch tạm thời</b>	<b>Giá trị thuế</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lỗi tính thuế	151.421.429.846	30.284.285.969	73.917.669.417	14.783.533.883

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào những năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ VND</b>
2026	Chưa quyết toán	32.262.290.937
2027	Chưa quyết toán	41.655.378.480
2028	Chưa quyết toán	77.503.760.429
		<hr/>
		151.421.429.846
		<hr/>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế vì không chắc chắn sẽ có lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích từ đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**38. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2023 VND</b>	<b>2022 VND</b>
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(119.251.944.844)	(48.684.959.712)
	<hr/>	<hr/>

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 8.477.640 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Các khoản vay được giải ngân	376.000.000.000	50.000.000.000
Bán thành phẩm	545.513.636	1.954.907.390
Cung cấp dịch vụ	2.202.771.193	
Chi phí lãi vay	14.794.535.680	361.643.836
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung</b>		
Bán thành phẩm	54.945.455	84.761.944
Cung cấp dịch vụ	3.829.247	11.071.862
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Các khoản vay được giải ngân	50.000.000.000	-
Bán thành phẩm	138.981.873	212.562.733
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi</b>		
Bán thành phẩm	66.283.635	177.840.600
Cung cấp dịch vụ	7.522.798	24.978.447
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc</b>		
Bán thành phẩm	116.040.000	76.469.400
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung Tâm</b>		
Bán thành phẩm	114.831.439	321.096.718
Mua hàng hóa	-	153.255.102
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên</b>		
Bán thành phẩm	125.728.785	135.786.691
Cung cấp dịch vụ	3.501.527	11.395.597
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ</b>		
Bán thành phẩm	47.030.200	100.098.600
Cung cấp dịch vụ	7.880.273	8.055.287
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông</b>		
Bán thành phẩm	94.269.899	161.452.000
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền</b>		
Bán thành phẩm	71.275.455	138.240.800





**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b> Bán thành phẩm	92.848.848	147.263.400
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng</b> Bán thành phẩm	33.192.728	80.846.110
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co</b> Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ	72.309.672 500.000	124.060.700 -
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b> Mua nguyên vật liệu và hàng hóa Bán thành phẩm	- 10.338.510	136.196.800 36.425.500
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô</b> Cổ tức nhận được	552.500.000	1.657.500.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng</b> Bán thành phẩm	92.961.987	130.685.300
<b>Công ty Cổ phần Bia. Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân</b> Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ	- -	80.231.646 3.500.000
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam</b> Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ	- -	143.327.184 13.026.019
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ</b> Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ	29.636.364 8.379.920	115.660.651 7.098.963
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây</b> Bán thành phẩm	31.118.182	88.715.500
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc</b> Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ	90.229.182 6.283.825	114.720.339 17.107.581
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh</b> Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ	20.045.454 3.730.882	80.490.164 9.113.833
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn</b> Bán thành phẩm Cung cấp dịch vụ	16.664.991 1.886.343.920	63.315.500 942.203.871

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm	-	7.308.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh</b>		
Bán thành phẩm	36.826.388	30.890.815
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - Nhà máy Bia Sài Gòn Củ Chi</b>		
Bán thành phẩm	15.547.097	14.361.660
Mua nguyên vật liệu	71.127.000	321.174.000
<b>Công ty TNHH Lon nước Giải khát TBC-Ball Việt Nam</b>		
Bán thành phẩm	-	11.642.400
Cung cấp dịch vụ	10.134.638.440	1.688.904.000
Mua nguyên vật liệu	6.044.215.867	35.520.210.958
<b>Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm	-	67.951.518
Mua vật liệu bao bì	30.191.083.042	27.221.811.021
<b>Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh</b>		
Bán thành phẩm	34.374.535	32.169.330
Mua dịch vụ quản lý xây dựng	-	2.501.280.000
<b>Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ</b>		
Mua vật liệu bao bì	148.404.000	74.500.000
<b>Fraser &amp; Neave (Malaya) Sdn Bhd</b>		
Mua hàng hóa	337.788.216	1.069.829.561
<b>F&amp;N Global Marketing Pte. Ltd</b>		
Nhận hỗ trợ tiếp thị	867.208.502	1.091.737.849
<b>Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)</b>		
Bán thành phẩm	484.082.574	265.354.185

12-6  
 IÁ  
 71  
 100  
 100

**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Thành viên Hội đồng Quản trị**

*Thủ lao*

Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch (từ ngày 13 tháng 10 năm 2023)	32.500.000	-
Ông Neo Gim Siong Bennet – Chủ tịch (đến ngày 12 tháng 10 năm 2023)	97.500.000	130.000.000
Ông Trần Đức Hòa – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Đặng Trung Kiên – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Lê Tuấn – Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2023)	68.250.000	-
Ông Trịnh Huy Hóa – Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2023)	22.750.000	91.000.000

**Thành viên Ban kiểm soát**

*Thủ lao*

Ông Nguyễn Phước Thoại – Trưởng ban Kiểm soát	383.502.236	401.233.394
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Thành viên	52.000.000	52.000.000

**Thành viên Ban Điều hành**

*Lương, thưởng và các phúc lợi khác*

Ông Phạm Tấn Lợi (từ ngày 1 tháng 8 năm 2023)	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Huy Dũng – Giám đốc (đến ngày 31 tháng 7 năm 2023)	801.009.860	313.357.308
Ông Neo Hock Tai Schubert – Giám đốc (đến ngày 30 tháng 11 năm 2022)	-	1.188.079.926
Bà Nguyễn Thúy Phượng – Giám đốc Tài chính (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)	-	344.726.028
Ông Nguyễn Thanh Hải – Giám đốc Kinh doanh (đến ngày 21 tháng 3 năm 2022)	-	154.674.392

**40. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tăng xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	48.088.242.302	69.831.633.324
Chi phí lãi vay phải trả được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	-	2.491.344.574



**Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**41. Thông tin so sánh**


Các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:

  
Bùi Thị Kim Chi  
Kế toán

Người duyệt:

  
Nguyễn Thúy Phương  
Kế toán trưởng

  
Phạm Tấn Lợi  
Giám đốc

